

Số: 26 /2018/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 13 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý bãi tắm du lịch
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Theo đề nghị của Sở Du lịch tại Tờ trình số 09/SDL-TTr ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Công văn số 634/SDL-TTr ngày 28 tháng 8 năm 2018; Báo cáo thẩm định số 36/BCTĐ-STP ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý bãi tắm du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

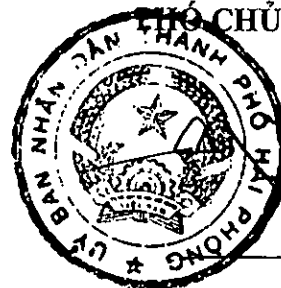
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: VHTTDL, GTVT, TP;
- Tổng cục Du lịch (Bộ VHTTDL);
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐB Quốc hội TP HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các VP: TU, HĐND TP;
- Các Ban: TU, HĐND TP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Báo HP, Đài PT&TH Hải Phòng;
- Công TTĐT TP, Công báo TP;
- Các Phòng CV, CV UBND TP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỖ CHỦ TỊCH



Lê Khắc Nam

QUY CHẾ

Quản lý bãi tắm du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2018
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, cơ quan quản lý và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng, khai thác bãi tắm du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền liên quan.
2. Tổ chức, cá nhân được giao quản lý và khai thác bãi tắm du lịch.
3. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ tại bãi tắm du lịch.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bãi tắm du lịch* là bãi cát tự nhiên hoặc tôn tạo, đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định trong Quy chế này và được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công nhận.

2. *Khu vực hoạt động của bãi tắm du lịch* là phần diện tích được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. *Đơn vị quản lý, khai thác bãi tắm du lịch* là các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện để quản lý, kinh doanh bãi tắm du lịch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. *Hoạt động trong phạm vi các bãi tắm du lịch* gồm: Hoạt động tắm, hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ trong phạm vi bãi tắm du lịch.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CỦA BÃI TẮM DU LỊCH

Điều 4. Điều kiện về kết cấu hạ tầng

1. Có bãi cát mịn, bề mặt bãi cát từ bờ ra ngấn nước thủy triều cao nhất phải có chiều dài tối thiểu 5 m (mét), độ thoải bãi tắm vuông góc với ngấn nước thủy triều khoảng cách 5 m (mét) có độ sâu không quá 1,5 m (mét).



2. Đảm bảo chất lượng nước biển theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 10-MT:2015/BTNMT quy định cho Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước, tại Bảng: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ (QCVN 10-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển, ban hành theo Thông tư số 67/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Có hệ thống giao thông kết nối đến bãi tắm du lịch đảm bảo thuận lợi và an toàn. Có điểm trông giữ xe cho khách du lịch hoặc điểm neo đậu phương tiện thủy chờ khách du lịch nằm ngoài khu vực bãi tắm du lịch và tuân thủ quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

4. Có hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo yêu cầu phục vụ công tác cảnh báo, cứu hộ cứu nạn. Đối với các bãi tắm xa bờ phải có hệ thống thông tin liên lạc vô tuyến thu phát VHF.

5. Có hệ thống điện đáp ứng yêu cầu, hệ thống nước ngọt đảm bảo vệ sinh, đáp ứng nhu cầu tắm tráng và hoạt động kinh doanh dịch vụ hỗ trợ, hệ thống thu gom rác thải và hệ thống xử lý nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

6. Có hệ thống thu gom tách riêng nước mưa và nước thải sinh hoạt; có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn (hệ thống xử lý nước thải ngầm, xả thải ngoài khu vực bãi tắm, không được xả trực tiếp ra biển khi thiết kế cơ sở hạ tầng).

Điều 5. Điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất thiết bị kỹ thuật

1. Đối với bãi tắm có chiều dài từ dưới 100 m (mét) đến 100 m (mét) phải có tối thiểu 01 xuồng cứu sinh (hoặc Ca nô), đối với bãi tắm từ trên 100 m (mét) đến 200 m (mét) phải có tối thiểu 02 xuồng cứu sinh (hoặc Ca nô), đối với bãi tắm có chiều dài trên 200 m (mét) trở lên bình quân khoảng cách chiều dài 70 m (mét) phải có 01 xuồng cứu sinh (hoặc Ca nô) đảm bảo chất lượng theo quy định và thường trực đặt ở vị trí thuận lợi đáp ứng công tác cứu hộ cứu nạn khi có sự cố xảy ra. Trên mỗi xuồng có trang bị tối thiểu 06 áo phao cá nhân, 02 phao tròn (mỗi phao tròn có kèm dây ném chiều dài 25-30m) và có bộ đồ lặn kèm theo bình dưỡng khí.

2. Có các hệ thống phao tiêu, dây phao, cờ chỉ giới, biển báo hiệu vùng hành lang an toàn phù hợp với thủy triều thường xuyên của mực nước, màu sắc tương phản với màu nước, dễ quan sát, đảm bảo yêu cầu cảnh báo. Có biển báo khu vực nguy hiểm sóng lớn gần bãi đá và núi, nước xoáy.

3. Đối với bãi tắm có chiều dài dưới 100 m (mét) phải có tối thiểu 01 bảng nội quy, đối với bãi tắm có chiều dài trên 100 m (mét) phải có tối thiểu 02 bảng nội quy đặt ở vị trí dễ quan sát, kích thước tối thiểu 6m² quy định nội quy bãi tắm bằng 2 thứ tiếng: Tiếng Việt, tiếng Anh, chữ rõ ràng không tẩy xóa, đảm bảo mỹ quan.

4. Có hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn đến các điểm dịch vụ và hệ thống giao thông nội bộ.

5. Đối với bãi tắm có chiều dài dưới 100 m (mét) phải có tối thiểu 01 trạm quan sát, đối với bãi tắm có chiều dài trên 100 m (mét) phải có tối thiểu 02 trạm quan sát, được xây dựng phù hợp với không gian biển và đảm bảo độ cao bao quát toàn bộ bãi tắm.

6. Đối với bãi tắm có chiều dài dưới 100 m (mét) phải có tối thiểu 02 khu nhà tráng nước ngọt (nam, nữ riêng biệt), đối với bãi tắm có chiều dài trên 100 m (mét) phải có ít nhất 04 khu nhà tráng nước ngọt (nam, nữ riêng biệt), mỗi khu tối thiểu có diện tích đạt 25m². Nhà tráng nước ngọt có mắc treo hoặc giá đựng quần áo, giỏ đựng rác được thu gom thường xuyên.

7. Có tủ đựng đồ cho du khách và có khóa riêng có dây đeo cho từng ngăn tủ.

8. Có hệ thống loa phát thanh và tối thiểu 02 ống nhòm, 03 loa cầm tay chất lượng tốt giao cho lực lượng trực trạm quan sát quản lý sử dụng. Hệ thống loa phát thanh có ghi âm phát thường xuyên theo giờ mở cửa bãi tắm cảnh báo an toàn và nội quy bãi tắm bằng 2 thứ tiếng: Tiếng Việt, tiếng Anh.

9. Khu vệ sinh công cộng tại bãi tắm du lịch, đảm bảo các tiêu chí tại Quyết định số 225/QĐ-TCDL ngày 08/05/2012 của Tổng cục Du lịch.

10. Có phòng trực cấp cứu được trang bị đầy đủ phương tiện sơ cấp cứu, bố trí nhân viên y tế có chuyên môn nghiệp vụ y tế phù hợp làm việc theo giờ mở cửa của bãi tắm du lịch; có khu vực dịch vụ thuê phao bơi, chất lượng phao đảm bảo tiêu chuẩn mà cơ sở sản xuất đã được cơ quan chuyên môn kiểm định đủ tiêu chuẩn chất lượng của phao bơi cá nhân; không sử dụng sấm ô tô và các loại phao bơi không đảm bảo an toàn cho khách du lịch thuê sử dụng.

11. Có hệ thống thu gom, xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN14: 2008/BTNMT. Có khu vực tạm chứa rác thải bảo đảm vệ sinh môi trường và thẩm mỹ trước khi phương tiện chở rác tới điểm thu gom. Thùng chứa rác trên bãi tắm phải có nắp đậy, khoảng cách tối đa 50m/thùng; có phương tiện thu gom rác nổi trên mặt nước được thu gom hằng ngày.

12. Có hòm thư góp ý, đặt ở vị trí dễ quan sát, chất liệu phù hợp với khí hậu địa phương. Có số điện thoại của đơn vị quản lý, khai thác bãi tắm du lịch và các số điện thoại đường dây nóng của ngành Du lịch và chính quyền địa phương để tiếp nhận và xử lý kịp thời ý kiến tham gia của du khách. Các số điện thoại trên phải được công bố công khai trên bảng nội quy, bảng niêm yết giá và những nơi dễ quan sát.

13. Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm, cứu hộ, cứu nạn, phương tiện sơ cứu y tế và các phương tiện khác tuân thủ theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản của khách du lịch.

14. Có lối lên xuống khu vực ưu tiên dành cho người khuyết tật.

15. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên bãi tắm phải thường xuyên bổ sung áo phao cứu hộ, các phương tiện cứu hộ đảm bảo hoạt động tốt. Điều chỉnh phao phân luồng bãi tắm, cờ báo phù hợp với thủy triều và tình hình thời tiết.

Điều 6. Quy định đối với nhân lực làm việc tại bãi tắm

1. Có đội ngũ lao động làm nhiệm vụ cứu hộ cứu nạn, cứu đuối nước, nhân viên có chứng chỉ đào tạo về y tế, bảo vệ, hướng dẫn viên, lái xuồng được đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, nhân viên trực trạm quan sát (có chứng chỉ bơi lội cứu đuối, sơ cấp cứu, đảm bảo sức khỏe và được khám sức khỏe theo định kỳ do cơ sở khám, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế) được bố trí trực theo quy định của giờ mở cửa bãi tắm du lịch.

2. Có 01 nhân viên cứu hộ trong khoảng cách 20 m chiều dài bãi tắm.

3. Có hợp đồng lao động bằng văn bản với tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác bãi tắm du lịch.

4. Trang phục và đeo phù hiệu đúng quy định của đơn vị quản lý bãi tắm.

Chương III

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BÃI TẮM DU LỊCH, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ KHÁCH DU LỊCH KHI THAM GIA HOẠT ĐỘNG TẠI BÃI TẮM DU LỊCH

Điều 7. Thời gian hoạt động tại các bãi tắm du lịch

1. Mùa hè (từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 10): Thời gian hoạt động từ 5 giờ 30 phút đến 19 giờ 00 phút. Mùa đông (từ 01 tháng 11 đến ngày 31 tháng 3): Thời gian hoạt động từ 7 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút. Nếu hoạt động ngoài khung thời gian trên thì phải trang bị đầy đủ các phương tiện đảm bảo an toàn cho du khách, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn phù hợp với ban đêm, hệ thống phao tiêu phát sáng và được chấp thuận của đơn vị quản lý bãi tắm, nhưng không trước 4 giờ 30 phút và không quá 21 giờ 00 phút.

2. Yêu cầu các bãi tắm trong thời gian hoạt động phải đảm bảo an toàn tuyệt đối và phải có lực lượng quản lý, theo dõi du khách sử dụng dịch vụ, đảm bảo cứu hộ cứu nạn, cứu đuối nước cho người tắm.

Điều 8. Những hành vi không được thực hiện

1. Tắm, tham gia các hoạt động trên khu vực bãi tắm (hoạt động thể thao,..) khi thời tiết xấu như: Giông bão, gió lốc, mưa to, sấm sét.

2. Tắm, tham gia các hoạt động trên khu vực bãi tắm (hoạt động thể thao,...) khi uống rượu, bia.

3. Chăn dắt vật nuôi, thả súc vật, đưa các loại xe vào bãi tắm (trừ xe chuyên dụng thu gom rác thải).

4. Mang theo hóa chất độc hại, chất cháy nổ vào bãi tắm.

5. Tổ chức nấu nướng, chế biến thức ăn và ăn uống tại khu vực không cho phép tổ chức ăn uống.

6. Tổ chức các hoạt động kinh doanh mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc không đúng với các nội dung đã được cho phép.

7. Khai thác giếng ngầm, giếng khoan tại khu vực bãi tắm không được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Sử dụng các vật dụng, thiết bị không đồng bộ, không đảm bảo an toàn sử dụng, ảnh hưởng đến mỹ quan cảnh quan khu vực bãi tắm (lều, bạt, dù che nắng và các loại bàn ghế nhựa, dụng cụ...), sử dụng các phương tiện dụng cụ không đảm bảo an toàn cho du khách thuê (phao bơi, áo phao không đảm bảo chất lượng an toàn).

9. Lấn chiếm bãi biển, biển chỉ giới khu vực bãi biển, bố trí dù, ghế tại khu vực dành riêng cho người tắm biển.

10. Điều khiển, neo đậu các phương tiện ca nô kéo dù, ca nô lướt ván, mô tô nước, thuyền buồm thể thao và các phương tiện khác trong khu vực dành cho người tắm biển hoặc gần hệ thống phao tiêu giới hạn vùng hoạt động khác.

11. Bán hàng rong, đeo bám, chèo kéo khách.

12. Các hoạt động đánh bắt thủy hải sản trong khu vực bãi tắm.

13. Các phương tiện thủy được phân luồng xa khu vực bãi tắm, không neo đậu trong khu vực biển chỉ giới bãi tắm để đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường khu vực bãi tắm.

14. Hút thuốc lá và các loại chất gây nghiện tại bãi tắm du lịch.

15. Lấy cát, sỏi, đá ra khỏi bãi du lịch.

16. Đánh bắt, khai thác, làm ảnh hưởng, gây tổn thương đến sinh vật biển (động vật, thực vật, các cấu trúc sinh sống của sinh vật biển, chà/ rạn san hô...) tại khu vực bãi tắm.

17. Xả nước thải, rác thải (rác thải nhựa, thủy tinh, kim loại,...).

18. Ảnh hưởng đến văn hóa, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

Điều 9. Quy định đối với tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác bãi tắm du lịch

1. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác bãi tắm du lịch đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố công nhận là điểm du lịch theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Luật Du lịch năm 2017.

2. Khảo sát và xây dựng biểu đồ hiện trạng bãi tắm chiều dài, chiều rộng, độ sâu mực nước, độ nước xoáy, độ sóng, thủy triều theo mùa.

3. Thành lập lực lượng cứu hộ cứu nạn, quản lý an ninh trật tự và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm trong phục vụ khai thác bãi tắm có chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ của từng vị trí công việc.

4. Xây dựng phương án quản lý khai thác bãi tắm.

5. Ban hành Nội quy bãi tắm.

6. Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường.

7. Định kỳ 6 tháng các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác bãi tắm thực hiện quan trắc môi trường nước để giám sát các thông số tác nhân sinh học có thể lây nhiễm bệnh dịch qua nước, không khí, cát biển.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác bãi tắm du lịch

1. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác bãi tắm du lịch được:

a) Nhà nước bảo hộ hoạt động kinh doanh du lịch hợp pháp tại khu vực bãi tắm.

b) Cung cấp các thông tin về du lịch cần thiết của chính quyền địa phương và cơ quan liên quan khi có yêu cầu.

c) Hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác bãi tắm du lịch phải thực hiện:

a) Đúng cam kết trong phương án quản lý, khai thác và sử dụng bãi tắm du lịch, đảm bảo việc giữ gìn và bảo vệ tài nguyên du lịch theo quy định của pháp luật.

b) Đúng các quy định của Quy chế quản lý bãi tắm du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

c) Nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về các lĩnh vực hoạt động của đơn vị trong hoạt động quản lý, khai thác bãi tắm du lịch.

d) Việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết.

đ) Các biện pháp đảm bảo an toàn cho khách du lịch tắm tại bãi tắm du lịch do đơn vị quản lý, khai thác. Nếu không thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn theo quy định thì tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác bãi tắm du lịch

phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho du khách theo quy định của pháp luật.

e) Định kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo hoạt động về Sở Du lịch và Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi có bãi tắm du lịch.

Điều 11. Trách nhiệm của khách du lịch tắm và sử dụng dịch vụ bãi tắm du lịch

1. Khách du lịch tắm và sử dụng dịch vụ bãi tắm du lịch được:

a) Sử dụng dịch vụ du lịch do tổ chức, cá nhân kinh doanh bãi tắm du lịch cung cấp.

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh bãi tắm du lịch cung cấp thông tin về bãi tắm du lịch.

c) Đòi xử bình đẳng; bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản khi sử dụng dịch vụ du lịch; tôn trọng danh dự, nhân phẩm; cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

d) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành vi vi phạm pháp luật về du lịch.

đ) Kiến nghị với tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác bãi tắm và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến hoạt động du lịch.

e) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Khách du lịch tắm và sử dụng dịch vụ bãi tắm du lịch phải thực hiện:

a) Tuân thủ pháp luật Việt Nam; ứng xử văn minh, tôn trọng phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa địa phương, bảo vệ và giữ gìn tài nguyên du lịch, môi trường du lịch; không gây phương hại đến hình ảnh quốc gia, truyền thống văn hóa dân tộc của Việt Nam.

b) Nội quy, quy định của bãi tắm du lịch.

c) Thanh toán tiền khi sử dụng các dịch vụ có thu tiền tại bãi tắm du lịch.

d) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về dân sự khi gây thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân hoạt động tại bãi tắm du lịch.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Du lịch

1. Là cơ quan thường trực, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thanh tra, kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế. Đề xuất các biện pháp giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế.

2. Xây dựng định hướng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chính sách về quy hoạch, quản lý, sử dụng và bảo vệ bãi tắm du lịch.

3. Chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm tại bãi tắm du lịch trên địa bàn thành phố.

4. Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

Hướng dẫn đơn vị và kiểm tra các tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật của các phương tiện xuống cứu hộ theo phân cấp của Bộ Giao thông vận tải; chuyên môn, nghiệp vụ của người điều khiển phương tiện và công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa có liên quan đến bãi tắm du lịch; phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện nơi có bãi tắm du lịch tổ chức phân luồng và xác định vị trí điểm neo đậu cho các tàu thuyền xa khu vực hành lang an toàn bãi tắm du lịch.

Điều 14. Trách nhiệm của Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Du lịch và các địa phương trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động của bãi tắm du lịch trên địa bàn thành phố theo chức năng nhiệm vụ của ngành.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi có bãi tắm du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với các ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động tại bãi tắm.

3. Phối hợp với Sở Du lịch và các ngành chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố các cơ chế, chính sách về quy hoạch, quản lý, sử dụng và bảo vệ bãi tắm.

4. Chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Du lịch và các đơn vị có liên quan xác định vị trí điểm neo đậu cho các tàu thuyền xung quanh các khu vực bãi tắm du lịch đảm bảo an toàn cho phương tiện và khách du lịch.

Điều 16. Kiểm tra, thanh tra

Các cơ quan có thẩm quyền được thanh tra, kiểm tra theo chuyên ngành đối với hoạt động tại bãi tắm theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Xử lý các vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân quản lý hoạt động của bãi tắm du lịch nếu vi phạm các nội dung trong Quy chế này và quy định của pháp luật, tùy theo mức

độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc buộc chấm dứt hoạt động kinh doanh.

2. Các tổ chức, cá nhân nếu để xảy ra thiệt hại về người, tài sản thuộc trách nhiệm của mình phải bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Sở Du lịch (Cơ quan thường trực) chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này. Định kỳ 6 tháng, 1 năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Sở Du lịch tổng hợp hoạt động của bãi tắm du lịch, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

